

Số: 4410/2026/CV-SGI

Tp.HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán : SGI
- Địa chỉ : Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3779 1179 Fax: (028) 3727 1143
- Email : info@sgiholdings.vn Website: <https://saigon3group.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3/2026

- ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☒ BCTC (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán năm 2026):

- ☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán năm 2026):

- ☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

☒ Có ☐ Không

☒ Có ☐ Không

☒ Có ☐ Không

☒ Có ☐ Không

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám Đốc




Nguyễn Quốc Việt

2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo tình hình tài chính quý III năm 2026 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh quý III năm 2026 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý III năm 2026 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	7
5. Thuyết minh báo cáo tài chính quý III năm 2026 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	8-22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.822.694.835	1.620.613.492
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.912.078.619	1.431.766.324
1. Tiền	111		1.912.078.619	631.766.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
				-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.699.491	51.580.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.691.491	48.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		10.008.000	2.980.822
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
				-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
				-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
				-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		872.916.725	137.266.346
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		355.115.920	412.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		517.800.805	136.853.846
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.342.822.037.725	1.216.458.724.175
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.134.900.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		1.134.900.000	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
				-
II. Tài sản cố định	220		5.532.081.419	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.532.081.419	-
- Nguyên giá	222		5.826.799.310	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(294.717.891)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
			-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
			-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
			-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
			-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.335.840.797.020	1.216.456.373.485
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.428.484.012.051	1.207.268.687.308
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	71.500.989.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(92.643.215.031)	(62.313.302.823)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
				-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		314.259.286	2.350.690
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		314.259.286	2.350.690
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.345.644.732.560	1.218.079.337.667

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		445.232.532.731	271.984.043.834
I. Nợ ngắn hạn	310		445.232.532.731	271.984.043.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		21.676.354	9.600.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000.000	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		53.595.800	7.810.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		48.698.784	15.400.000
5. Phải trả người lao động	315		346.854.069	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		451.924.999	120.000.000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		29.479.782.725	11.331.233.434
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		394.830.000.000	260.500.000.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
				-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		900.412.199.829	946.095.293.833
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		754.647.000.000	754.647.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		754.647.000.000	754.647.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		145.765.199.829	191.448.293.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		78.251.243.833	191.448.293.833
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		67.513.955.996	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.345.644.732.560	1.218.079.337.667

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026



Nguyễn Hoàng Tân
Người lập



Nguyễn Hoàng Tân
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM 2026

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10					
4. Giá vốn hàng bán	11					
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20					
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	71.383.133.618	158.554.819	122.993.741.791	77.608.475.164
8. Chi phí tài chính	23	VI.2	30.625.889.282	10.371.057.991	49.373.068.642	10.933.209.832
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		8.037.263.284	4.707.835.616	19.043.156.434	8.199.427.944
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	3.680.575.922	145.902.229	6.097.610.682	597.941.912
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		37.076.668.414	(10.358.405.401)	67.523.062.467	66.077.323.420
12. Thu nhập khác	31		-		1.600	-
13. Chi phí khác	32		6.503.250		9.108.071	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.503.250)		(9.106.471)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.070.165.164	(10.358.405.401)	67.513.955.996	66.077.323.420
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.070.165.164	(10.358.405.401)	67.513.955.996	66.077.323.420
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026



Nguyễn Hoàng Tân
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Tân
Người lập

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ III NĂM 2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	76.918.631.328
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.939.295.145)	(330.680.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(780.965.212)	(148.500.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(1.460.294.031)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.374.438	692.482.176
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.446.141.633)	(80.596.630.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.142.027.552)	(4.924.990.923)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.826.799.310)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(220.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	220.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(337.216.135.743)	(221.975.478.315)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		220.000.000.000	895.070.333
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		110.486.539.500	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.556.395.553)	(221.080.407.982)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		160.830.000.000	459.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.500.000.000)	(232.520.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(113.151.264.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.178.735.400	226.880.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		480.312.295	874.601.095
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.431.766.324	1.099.478.520
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.912.078.619	1.974.079.615

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Nguyễn Hoàng Tân
Người lập

Nguyễn Hoàng Tân
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu Tư SGI Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	71/1 Quang Trung, phường An Hội Tây, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hàng may mặc da	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	47 Đường số 17, Khu phố 6, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc; dịch vụ cho thuê văn phòng và đầu tư	99,76%	99,76%	99,76%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc – xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng	63,37%	63,37%	63,37%
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông, băng gạc y tế, khẩu trang và các sản phẩm y tế khác.	74,94%	74,94%	74,94%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con và công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con và công ty liên kết. Nếu công ty con và công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

6. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

7. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

8. Ghi nhận thu nhập***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

11. Chi phí trả trước (chi phí chờ phân bổ)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

12. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50
Máy móc và thiết bị	09 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 10
Tài sản cố định khác	06 – 10

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	60.974.791	13.503.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.851.103.828	618.263.153
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	800.000.000
Cộng	<u>1.912.078.619</u>	<u>1.431.766.324</u>

2. Nợ xấu

Công ty không có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc không có khả năng thu hồi.

3. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	355.115.920	412.500
Cộng	<u>355.115.920</u>	<u>412.500</u>

4. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	19.753.890	-
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	294.505.396	2.350.690
Cộng	<u>314.259.286</u>	<u>2.350.690</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ				
Mua trong kỳ		4.703.050.000	1.123.749.310	5.826.799.310
Số cuối kỳ		4.703.050.000	1.123.749.310	5.826.799.310
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ				
Khấu hao trong kỳ		206.847.107	87.870.784	294.717.891
Số cuối kỳ		206.847.107	87.870.784	294.717.891
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ				
Số cuối kỳ		4.496.202.893	1.035.878.526	5.532.081.419

6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.428.484.012.051	(92.643.215.031)	1.207.268.687.308	(62.313.302.823)
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	459.379.352.869	-	646.881.152.869	-
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	233.983.904.465	-	233.983.904.465	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	62.313.302.823	(62.313.302.823)	62.313.302.823	(62.313.302.823)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	264.090.327.151	-	264.090.327.151	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	196.000.000.000	(30.329.912.208)		
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	212.717.124.743	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	71.500.989.000	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	-	-	71.500.989.000	-
Cộng	1.428.484.012.051	(92.643.215.031)	1.278.769.676.308	(62.313.302.823)

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trong kỳ, Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital giảm vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công với giá phí đầu tư là 196.000.000.000 đồng. Kể từ ngày hoàn tất giao dịch, Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công trở thành công ty con trực tiếp của Công ty

Theo nghị quyết Hội Đồng Quản trị số 2308/2026/NQ-HĐQT ngày 24/08/2026 về việc thống nhất chủ trương Công ty Cổ phần Đầu Tư SGI Holdings thoái toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công. Công ty đã nhận tiền đặt cọc 20.000.000.000 đồng từ giao dịch này.

Trong kỳ Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết lên thành 74,94% và chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con trực tiếp của Công ty.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	62.313.302.823	57.092.737.892
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	30.329.912.208	2.733.781.888
Số cuối kỳ	92.643.215.031	59.826.519.780

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Lợi nhuận được chia	65.000.000.000	76.500.000.000
Chi phí lãi vay	-	3.306.222.465
Vay	-	221.900.000.000
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Vay	160.830.000.000	237.500.000.000
Trả nợ vay	26.500.000.000	
Chi phí lãi vay	19.043.156.434	4.893.205.479
Cổ tức	39.106.123.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh		
Cổ tức	3.025.316.500	157.798.467
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Cổ tức	3.355.100.000	1.210.650.000

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.400.000	4.706.853.579	(4.673.554.795)	48.698.784
Các loại thuế khác		448.050.000	(448.050.000)	-
Cộng	15.400.000	5.154.903.579	(5.121.604.795)	48.698.784

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.513.955.996	66.077.323.420
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.843.291.129	88.550.519
- Các khoản điều chỉnh giảm	(120.000.000)	(108.500.000)
Thu nhập chịu thuế	69.237.247.125	66.057.373.939
Thu nhập được miễn thuế	(110.486.539.500)	(76.500.000.000)
Lỗ các năm trước kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(41.249.292.375)	(10.442.626.061)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.		

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

8. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả các tổ chức và cá nhân khác	53.595.800	7.810.400
Cộng	53.595.800	7.810.400

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	29.479.782.725	11.331.233.434
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 – chi phí lãi vay	29.474.635.885	10.431.479.451
Thành viên Hội đồng quản trị - thù lao và thưởng phải trả	5.146.840	899.753.983
Phải trả các cá nhân và tổ chức khác	-	-
Phải trả khác	-	-
Cộng	29.479.782.725	11.331.233.434

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

10. Vay ngắn hạn

Vay không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (công ty con) để phục vụ mục đích đầu tư tài chính với lãi suất 8,50%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	260.500.000.000	10.620.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	160.830.000.000	459.400.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(26.500.000.000)	(232.520.000.000)
Số cuối kỳ	394.830.000.000	237.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

11. Vốn chủ sở hữu**11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	754.647.000.000	133.630.053.498	888.277.053.498
Lợi nhuận trong kỳ trước		66.077.323.420	66.077.323.420
Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát			
Chia cổ tức trong năm trước			
Số dư cuối kỳ trước	754.647.000.000	199.707.376.918	954.354.376.918
Số dư đầu năm nay	754.647.000.000	191.448.293.833	946.095.293.833
Lợi nhuận trong kỳ này		67.513.955.996	67.513.955.996
Chia cổ tức, lợi nhuận		(113.197.050.000)	(113.197.050.000)
Số dư cuối kỳ này	754.647.000.000	145.765.199.829	900.412.199.829

11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Quốc Việt	152.695.290.000	152.695.290.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	139.444.290.000	139.444.290.000
Ông Phạm Xuân Hồng	39.777.270.000	39.777.270.000
Các cổ đông khác	422.730.150.000	422.730.150.000
Cộng	754.647.000.000	754.647.000.000

11c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.464.700	75.464.700
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu phổ thông	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu phổ thông	75.464.700	75.464.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.002.291	950.676.697
Cổ tức, lợi nhuận được chia	110.486.539.500	76.657.798.467
Lãi tiền cho vay	-	-
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	-
Lãi giảm vốn điều lệ Công ty con	12.498.200.000	
Cộng	122.993.741.791	77.608.475.164

2. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.043.156.434	8.199.427.944
(Hoàn nhập)/dự phòng khoản đầu tư	30.329.912.208	2.733.781.888
Cộng	49.373.068.642	10.933.209.832

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.793.854.264	171.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	6.012.000	
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.476.727	
Khấu hao tài sản cố định	294.717.891	
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.135.013.744	177.332.279
Các chi phí khác	1.767.536.056	246.609.633
Cộng	6.097.610.682	597.941.912

4. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	1.600	-
Cộng	1.600	-

5. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	9.108.071	-
Cộng	9.108.071	-

6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.488.727	
Chi phí nhân công	1.793.854.264	171.000.000
Chi phí khấu hao	294.717.891	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.135.013.744	177.332.279
Chi phí khác	1.767.536.056	249.609.633
Cộng	6.097.610.682	597.941.912

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.9.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	616.425.325	1.060.000.000
Ông Nguyễn Khánh Linh	261.909.091	234.333.333
Ông Nguyễn Quốc Việt	247.909.091	200.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường	67.857.143	-
Ông Phạm Xuân Hồng	13.750.000	225.666.667
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	12.500.000	200.000.000
Ông Nguyễn Đăng Khoa	12.500.000	200.000.000
Ban kiểm soát	266.500.000	220.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang	28.266.667	60.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Sương	184.900.000	-
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	6.400.000	-
Bà Phạm Viết Lan Anh	29.333.333	100.000.000
Ông Lê Ngọc Hùng	17.600.000	60.000.000
Cộng	882.925.325	1.280.000.000

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty con
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty con
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	Công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Công ty TNHH Vitavia Care	Công ty con của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết
Quỹ Đầu tư Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	Cổ đông sở hữu 18,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Thành viên Ban kiểm soát Công ty là thành viên Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động Sản Kim Cương	Thành viên Ban kiểm soát Công ty là thành viên Hội đồng quản trị công ty này

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.6, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SGI HOLDINGS

Địa chỉ: Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí mua cổ phiếu		-
Phí lưu ký chứng khoán	27.373.729	1.421.513
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	412.317	141.432
Phí ngân hàng thu hộ	10.000	
Phí mua chứng khoán	211.506.943	137.507.347
Mua công cụ dụng cụ và tài sản cố định	686.126.876	-
Nhận chuyển nhượng TCAM	196.000.000.000	

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026



Nguyễn Hoàng Tân
Người lập



Nguyễn Hoàng Tân
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc